|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**TRƯỜNG ĐẠI HỌC****TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

*(Đào tạo trình độ thạc sĩ)*

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần:

* Tên tiếng Việt: Triết học
* Tên tiếng Anh: Philosophy

- Mã môn học: LTML3101

- Số tín chỉ (Lý thuyết/ thảo luận): 03 (2, 1)

- Thuộc chương trình đào tạo: các ngành, bậc cao học

- Loại học phần:

* Bắt buộc: [x]
* Tự chọn: [ ]

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

* + Nghe giảng lý thuyết : 32 tiết
	+ Thảo luận : 13 tiết
	+ Tự học : 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác-Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

**2. Mục tiêu của môn học**

- Kiến thức:

+ Vận dụng tư duy triết học để rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận trong nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.

+ Phân tích và liên hệ cơ sở lý luận triết học vào đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên, công nghệ và kinh tế.

+ Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

- Thái độ, chuyên cần: Tích cực và chủ động củng cố, rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng, phương pháp làm việc khoa học.

**3. Tóm tắt nội dung học phần:**

Nội dung của học phần tập trung trình bày khái luận về triết học, lịch sử triết học phương Đông gồm Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại, triết học phương Tây từ thời cổ đại đến hiện đại và tư tưởng triết học Việt Nam trong Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như sự vận động của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội.

**4. Tài liệu học tập**

**4.1. Tài liệu chính**

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015) *Giáo trình Triết học* ( dùng cho khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia.

**4.2. Tài liệu đọc thêm**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), NXB Chính trị Quốc gia.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), tập 1, NXB Chính trị Quốc gia.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), tập 2, NXB Chính trị Quốc gia.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1995), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), tập 3, NXB Chính trị Quốc gia.

5. Hội đồng Lý luận Trung ương, *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (2008), NXB Chính trị Quốc gia.

**5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần**

Giảng viên cung cấp đầy đủ bài giảng, tài liệu tham khảo cho học viên; Giảng dạy theo phương pháp thuyết trình, phân tích, so sánh, tổng hợp, phát vấn, nêu vấn đề; Hướng dẫn học viên thảo luận những nội dung trong chương trình học.

Học viên tăng cường trao đổi, thảo luận, hoạt động theo nhóm, tích cực tự học, tự nghiên cứu và hoàn thành tốt những nội dung mà giảng viên yêu cầu.

**6. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giáo viên**

- Có giáo trình và tài liệu tham khảo

- Nghiên cứu trước giáo trình

- Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến bài học;

- Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp của giảng viên và các buổi thảo luận dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên vắng mặt trên lớp quá 30% số tiết sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần

**7. Thang điểm đánh giá**

Theo Thông tư số: 15 /2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần**

**8.1. Kiểm tra – đánh giá quá trình** *(trọng số 30%)*

- Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập: 1 đầu điểm (hệ số 1)

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, chuyên cần: 1 đầu điểm (hệ số 1)

**8.2. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ** *(trọng số 70%)*

- Hình thức thi: thi viết

- Thời lượng thi: 90 phút

- Học viên được sử dụng tài liệu trong khi thi

**9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian**

| **Nội dung** | **Số tiết** |
| --- | --- |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Thảo luận/Bài tập** | **Tổng số tiết** |
| **Chương I:KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC** | ***11*** |  | ***4*** | ***15*** |
| **1.1. Triết học là gì?** | ***2*** |  | ***1*** | ***3*** |
| * + 1. Triết học và đối tượng của nó
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Vấn đề cơ bản của triết hoc
 | *1* |  |  |  |
| **1.2. Triết học Phương Đông** | *3* |  | *1* | ***4*** |
| * + 1. Triết học Ấn Độ cổ đại
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Triết học Trung hoa cổ đại
 | *2* |  |  |  |
| **1.3. Tư tưởng triết học Việt Nam** | *3* |  | *1* | ***4*** |
| * + 1. Nho giáo ở Việt Nam
 | *0.5* |  |  |  |
| 1.3.2 Phật giáo ở Việt Nam | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Đạo gia và Đạo giáo ở Việt Nam
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Mối quan hệ tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh
 | *0.5* |  |  |  |
| **1.4. Triết học phương Tây** | *3* |  | *1* | ***4*** |
| * + 1. Đăc thù của triết học phương Tây
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Triêt học Hi Lạp cổ đại
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Triết học Tây Âu thời kỳ phục hưng và cận đại
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Triết học cổ điển Đức
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Triết học phương Tây hiện đại
 | *0.5* |  |  |  |
| **Chương 2: TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN** | ***11*** |  | ***5*** | ***16*** |
| **2.1 Sự ra đời của triết học Mác Lênin** | ***2*** |  | ***1*** | ***3*** |
| * + 1. Điều kiện kinh tế- xã hội
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Tiền đề lý luận
 |  |  |  |
| * + 1. Tiền đề khoa học tự nhiên
 |  |  |  |
| * + 1. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin
 | *0.5* |  |  |  |
| **2.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng** | *4* |  | *2* | ***6*** |
| * + 1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật
 | *2* |  |  |  |
| * + 1. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật
 | ***1*** |  |  |  |
| **2.3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử** | ***4*** |  | ***1*** | ***5*** |
| * + 1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
 | *1* |  |  |  |
| 2.3.3 Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng | ***1*** |  |  |  |
| 2.3.4 Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội | *1* |  |  |  |
| * + 1. Tiến bộ xã hội
 | *0.5* |  |  |  |
| **2.4. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay** | ***1*** |  | *1* | ***2*** |
| * + 1. Những biến đổi của thời đại
 | *0.5* |  |  |  |
| * + 1. Vai trò của triết học Mác -Lênin
 | *0.5* |  |  |  |
| **Chương III: MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | ***5*** |  | ***2*** | ***7*** |
| **3.1 Mối quan hệ giữa khoa học với triết học** | ***2*** |  | ***1*** | ***3*** |
| * + 1. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn
 | ***1*** |  |  |  |
| * + 1. Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học.
 | ***1*** |  |  |  |
| **3.2 Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học** | *3* |  | ***1*** | ***4*** |
| * + 1. Thế giới quan và phương pháp luận
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường
 | ***1*** |  |  |  |
| **Chương 4: VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** | ***4*** |  | ***2*** | ***6*** |
| **4.1 Khoa học và công nghệ** | ***1*** |  |  | ***1*** |
| * + 1. Khoa học
 | ***1*** |  |  |  |
| * + 1. Kỹ thuật
 |  |  |  |
| 4.1.3 Công nghệ |  |  |  |
| * + 1. Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp
 |  |  |  |
| **4.2. Cách mạng khoa học và công nghệ** | *2* |  | *1* | ***3*** |
| * + 1. Tiến trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ
 | *1* |  |  |  |
| * + 1. Bản chất, tác động và các xu hướng cơ bản của cách mạng khoc học và công nghệ
 | *1* |  |  |  |
| **4.3 Khoa học công nghệ Việt Nam** | *1* |  | *1* | ***2*** |
| * + 1. Thành tựu của nền khoa học và công nghệ Việt Nam
 | ***1*** |  |  |  |
| * + 1. Những hạn chế, yếu kém của khoa học công nghệ Việt Nam
 |  |  |  |
| * + 1. Những nguyên nhân
 |  |  |  |
| ***Kiểm tra*** | ***1*** |  |  | ***1*** |
| ***Tổng*** | ***32*** |  | ***13*** | ***45*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng Khoa****TS. Nguyễn Thị Luyến** | **Trưởng bộ môn****TS. Lê Thị Thùy Dung**  | **Người soạn****TS. Lê Thị Thùy Dung**  |